

BIỂU _ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHẦN I - THUẾ TỐI HUỆ QUỐC
MỤC I – B Hạn ngạch thuế quan

Ghi chú:

1. Phạm vi áp dụng

1.1 Nếu mã HS 4 số không được chi tiết hoá thì thuế suất trong hạn ngạch, thuế suất ngoài hạn ngạch, lượng hạn ngạch ban đầu, mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm, phương thức quản lý và các ghi chú về điều kiện bổ sung sẽ được áp dụng cho toàn bộ các mã HS 8 số trong nhóm HS 4 số đó.

1.2 Nếu mã HS 4 số được chi tiết hoá thành các mã HS 8 số thì:

1.2.1 Thuế suất trong hạn ngạch, thuế suất ngoài hạn ngạch sẽ được áp dụng cho các mã HS 8 số như trình bày tại các cột và dòng tương ứng.

1.2.2 Lượng hạn ngạch ban đầu, mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm, phương thức quản lý và các ghi chú về điều kiện bổ sung sẽ chỉ được áp dụng cho các mã HS 8 số đã được chi tiết hoá trong bảng.

2. Giai đoạn thực hiện

Giai đoạn thực hiện được đề cập tại đây thể hiện khoảng thời gian cần thiết để:

- tăng lượng hạn ngạch ban đầu lên tới lượng hạn ngạch cuối cùng (nếu có) và
- giảm thuế suất trong hạn ngạch ban đầu xuống tới thuế suất trong hạn ngạch cuối cùng (nếu có).

3. Lượng hạn ngạch ban đầu

Lượng hạn ngạch ban đầu được tính theo phương pháp "tiếp cận hiện tại" của WTO. Riêng lượng hạn ngạch ban đầu của mã HS 1701 tính theo phương pháp "tiếp cận tối thiểu" vì không có nhập khẩu trong kỳ cơ sở.

4. Phương thức quản lý

Phân bổ hạn ngạch sẽ chỉ căn cứ trên cơ sở ai nộp hồ sơ trước được cấp trước; tổng hợp toàn bộ các hồ sơ yêu cầu; phân bổ cho đối tượng sử dụng cuối cùng; hoặc một phương thức quản lý công bằng và minh bạch tương tự. Các tiêu chí thương mại có liên quan khác như kết quả nhập khẩu đã thực hiện trong quá khứ, năng lực sản xuất, và phân bổ cho các nhà nhập khẩu mới có thể được xem xét khi phân bổ hạn ngạch. Trong trường hợp phân bổ hạn ngạch được quản lý thông qua các doanh nghiệp Thương mại Nhà nước thì các nguyên tắc phân bổ hạn ngạch như trên cũng sẽ được áp dụng.

4.1 Phương thức A là phân bổ hạn ngạch cho đối tượng sử dụng cuối cùng của hàng hóa.

4.2 Phương thức B là Nhà nước quy định doanh nghiệp nhập khẩu.*

* Phương thức quản lý hạn ngạch thuế quan này mặc dù chịu sự quản lý của Chính phủ nhưng sẽ không trái với các nguyên tắc đã nêu trên và đặc biệt là sẽ phù hợp với các nguyên tắc về minh bạch và có thể dự đoán của WTO.

BIỂU - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHẦN III – CÁC NHƯỢNG BỘ PHI THUẾ

Ghi chú:

1. Phạm vi áp dụng

1.1 Nếu mã HS 4 số không được chi tiết hoá thì thuế suất trong hạn ngạch, thuế suất ngoài hạn ngạch, lượng hạn ngạch ban đầu, mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm, phương thức quản lý và các ghi chú về điều kiện bổ sung sẽ được áp dụng cho toàn bộ các mã HS 8 số trong nhóm HS 4 số đó.

1.2 Nếu mã HS 4 số được chi tiết hoá thành các mã HS 8 số thì:

1.2.1 Thuế suất trong hạn ngạch, thuế suất ngoài hạn ngạch sẽ được áp dụng cho các mã HS 8 số như trình bày tại các cột và dòng tương ứng.

1.2.2 Lượng hạn ngạch ban đầu, mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm, phương thức quản lý và các ghi chú về điều kiện bổ sung sẽ chỉ được áp dụng cho các mã HS 8 số đã được chi tiết hoá trong bảng.

2. Giai đoạn thực hiện

Giai đoạn thực hiện được đề cập tại đây thể hiện khoảng thời gian cần thiết để:

- tăng lượng hạn ngạch ban đầu lên tới lượng hạn ngạch cuối cùng (nếu có) và
- giảm thuế suất trong hạn ngạch ban đầu xuống tới thuế suất trong hạn ngạch cuối cùng (nếu có).

3. Lượng hạn ngạch ban đầu

Lượng hạn ngạch ban đầu được tính theo phương pháp "tiếp cận hiện tại" của WTO.

4. Phương thức quản lý

4.1 Phương thức C là phân bổ hạn ngạch dựa trên cơ sở kết quả nhập khẩu đã thực hiện trong quá khứ.

Mô tả mặt hàng	Mã dòng thuế	Lượng hạn ngạch ban đầu và thuế suất trong hạn ngạch	Lượng hạn ngạch cuối cùng và thuế suất trong hạn ngạch	Giai đoạn thực hiện	Quyền đàm phán ban đầu	Điều kiện và điều khoản khác
Trứng chim và trứng gia cầm, nguyên vỏ, tươi, đã bảo quản hoặc làm chín.		30,000 tá	không giới hạn			
-- Trứng gà	04070091	40%	40%			1. Quản lý hạn ngạch thuế quan theo phương thức A; 2. Mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm là 5%.
-- Trứng vịt	04070092	40%	40%			
-- Loại khác	04070099	40%	40%			
Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn.		55.000 mét tấn	không giới hạn			
-- Đường mía	17011100	30%	25%	2009	Úc, Colombia, CH Dominica, Honduras, Salvador	1. Quản lý hạn ngạch thuế quan theo phương thức A; EI
-- Đường củ cải	17011200	50%	50%			2. Đường mía thô nhập khẩu (mã HS 1701.11) để chế biến và tái xuất sẽ không được tính vào cam kết về lượng hạn ngạch thuế quan đối với đường, và đường tái xuất 3. Mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm là 5%.
- - Đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu	17019100	60%	60%			
---- Đường trắng	17019911	60%	60%		Colombia	
---- Loại khác	17019919	60%	60%		Colombia	
--- Loại khác	17019990	60%	60%		Colombia	
Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.		31.000 mét tấn	không giới hạn			
- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng	24011010	30%	30%		Brazil, Colombia, CH Dominica, Honduras	1. Quản lý hạn ngạch thuế quan theo phương thức B;
- - Loại Virginia, chưa sấy bằng không khí nóng	24011020	30%	30%		Brazil, Dominica, Honduras	CH 2. Khi phân bổ hạn ngạch, kết quả nhập khẩu đã thực hiện trong quá khứ sẽ được xem xét;

Mô tả mặt hàng	Mã dòng thuế	Lượng hạn ngạch ban đầu và thuế suất trong hạn ngạch	Lượng hạn ngạch cuối cùng và thuế suất trong hạn ngạch	Giai đoạn thực hiện	Quyền đàm phán ban đầu	Điều kiện và điều khoản khác
- - Loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	24011030	30%	30%		Brazil, Colombia, Honduras	3. Mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm là 5%.
- - Loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	24011090	30%	30%		Brazil, CH Dominica, Honduras	
- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng	24012010	30%	30%		Brazil, Colombia, CH Dominica, Honduras	
- - Loại Virginia, chưa sấy bằng không khí nóng	24012020	30%	30%		Brazil, CH Dominica, Honduras	
- - Loại Oriental	24012030	30%	30%		Brazil, CH Dominica, Honduras	
- - Loại Burley	24012040	30%	30%		Brazil, Colombia, CH Dominica, Honduras	
- - Loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	24012050	30%	30%		Brazil, Colombia, CH Dominica, Honduras	
- - Loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	24012090	30%	30%		Brazil, CH Dominica, Honduras	
- - Cọng thuốc lá	24013010	15%	15%		Brazil, CH Dominica, Honduras	
- - Loại khác	24013090	30%	30%		Brazil, CH Dominica, Honduras	

Mô tả dòng thuế	Mã dòng thuế	Lượng hạn ngạch ban đầu và thuế suất trong hạn ngạch 150.000 mét tấn	Lượng hạn ngạch cuối cùng và thuế suất trong hạn ngạch không giới hạn	Giai đoạn thực hiện	Quyền đàm phán ban đầu	Điều kiện và điều khoản khác
Muối (kể cả muối ăn và muối đã bị làm biến tính) và natri clorua tinh khiết, có hoặc không ở dạng dung dịch nước hoặc có chứa chất chống đóng bánh hoặc chất làm tăng độ chảy; nước biển.						1. Quản lý hạn ngạch thuế quan theo phương thức C; 2. Mức tăng trưởng lượng hạn ngạch hàng năm là 5%.
- Muối ăn	25010010	30%	30%		Úc	
- - Muối có chứa ít nhất 94,7% natri clorua tính trên trọng lượng khô được đóng gói với trọng lượng tịnh từ 50kg trở lên	25010021	30%	30%		Úc	
- - Loại khác	25010029	30%	30%		Úc	
- - Muối tinh khiết	25010031	10%	10%		Úc	
- - Loại khác, đóng gói từ 50kg trở lên	25010032	15%	15%		Úc	
- - Loại khác, đóng gói dưới 50kg	25010033	15%	15%		Úc	
- Loại khác	25010090	15%	15%		Úc	